

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

Bản án số: 94/2019/DS-PT

Ngày 26/11/2019

"V/v tranh chấp di sản thừa kế"

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vi Văn Chắt

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Phần

Bà Nguyễn Thị Hải Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trà Giang, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Loan - Kiểm sát viên

Ngày 19 và 26 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 71/2017/TLPT-DS ngày 09/7/2019 về việc "*Tranh chấp di sản thừa kế*".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 65/2018/QĐXX-PT ngày 11 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1959; hộ khẩu thường trú: khối 6, phường Q, thành phố V, tỉnh Nghệ An; nơi ở hiện nay: khối 7, phường Q, thành phố V, tỉnh Nghệ An; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn: Ông Lê Tuấn A- Văn phòng luật sư Lê Anh; Địa chỉ: Số 146, đường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An; có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1957; hộ khẩu thường trú: Khối 6, phường Q, thành phố V, tỉnh Nghệ An; nơi ở hiện nay: Khối 7, phường Q, thành phố V, tỉnh Nghệ An; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Th - Văn phòng luật

sur Trung V; Địa chỉ: Số 162, đường Kim Liên, xã H, thành phố V, Nghệ An; có mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Trung Th, sinh năm 1952; hộ khẩu thường trú: Khối 6, phường Q, thành phố V, Nghệ An; có mặt.

- Bà Nguyễn Thị Hà, sinh năm 1962; hộ khẩu thường trú: Khối 6, phường Q, thành phố V, Nghệ An; có mặt.

- Bà Nguyễn Thị Kh, sinh năm 1966; hộ khẩu thường trú: Khối 6, phường Q, thành phố V, Nghệ An; có mặt.

- Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1961; hộ khẩu thường trú: Khối 6, phường Q, thành phố V, Nghệ An; nơi ở hiện nay: Khối 7, phường Q, thành phố V, tỉnh Nghệ An; có mặt.

- Ông Từ Hữu T và bà Nguyễn Thị L; hộ khẩu thường trú: Khối 7, phường Q, thành phố V, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

- Anh Đặng Văn Th và chị Võ Thị T; hộ khẩu thường trú: Khối 7, phường Q, thành phố V, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Bị đơn Ông Nguyễn Văn Th.

5. Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của Nguyên đơn, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn trình bày:

Bố, mẹ của ông N là ông Nguyễn Văn D và bà Phạm Thị Đ. Ông D chết năm 1965, bà Đ chết năm 1986 không để lại di chúc, di sản thừa kế để lại là đất ở có diện tích 1789m² thuộc khối 20, phường L, nay là khối 6, phường Q, thành phố V, Nghệ An. Diện tích đất ở này do Ông Nguyễn Văn Th, là anh trai quản lý và sử dụng. Năm 2016 Nhà nước thu hồi diện tích để giải phóng mặt bằng xây dựng khu tái định cư phường Q, thành phố V, Nghệ An. Ông Th đã trực tiếp làm việc với cơ quan chức năng và thỏa thuận, phương án đền bù, tự ý xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng Ông Th đối với toàn bộ diện tích đất cha mẹ để lại mà không có sự đồng ý của toàn bộ anh em ông N.

Theo ông N, di sản thừa kế bố mẹ ông N chết để lại sau khi bị thu hồi phục vụ cho dự án khu đô thị mới phường Q được Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền bồi thường hỗ trợ 12 lô đất tại khu tái định cư phường Q, thành phố V, Nghệ An.

Số tiền bồi thường, hỗ trợ di sản thừa kế nói trên bị thu hồi tổng số là: 9.103.960.968 đồng. Trong đó vợ chồng Ông Th đã nộp tiền để được giao 12 lô đất tái định cư là 6.791.083.200 đồng. Số tiền còn lại là 2.312.877.498 đồng.

Trong tổng số 12 lô đất này, vào năm 2016 vợ chồng Ông Th bà Th đã chuyển nhượng cho vợ chồng ông Từ Hữu T và bà Nguyễn Thị L thửa đất số 273, tờ bản đồ số 06, diện tích 120m² tại khối 7, phường Q, thành phố V; chuyển nhượng cho vợ chồng ông Đặng Văn Th bà Võ Thị Tuyết thửa đất số 274, tờ bản đồ số 06, diện tích 120m² tại khối 7, phường Q, thành phố V; 01 lô đất hiện nay Ông Th đã xây dựng nhà ở kiên cố tại khối 6, phường Q, thành phố V (nay là khối 7, phường Q). Nay còn 10 lô đất ông N yêu cầu chia đều cho các đồng thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất.

Số tiền còn lại là: 2.312.877.498 đồng và trị giá 02 thửa đất gia đình Ông Th, bà Th đã chuyển nhượng ông N đề nghị trích chia cho vợ chồng Ông Th, bà Th về công sức tôn tạo, duy trì đất.

Người đại diện theo ủy quyền của Bị đơn ông Nguyễn Văn Thế trình bày: Cha của Ông Th là cụ Nguyễn Văn D chết do bom Mỹ ném ngày 09/10/1965, mẹ Ông Th là cụ Phạm Thị Đ chết do tuổi già ngày 10/7/1986. Hai cụ nguyên quán ở xã Nghi Phú, thành phố V, Nghệ An. Hai cụ sinh được 05 người con 03 trai, 02 gái gồm: ông Nguyễn Trung Th, Ông Nguyễn Văn Th, Ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Kh đều trú tại khối 6, phường Q, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Ông bà nội ngoại của anh em Ông Th đều đã mất trước cụ Diêu, cụ Đèo, hai cụ không có con nuôi và con riêng.

Cha mẹ Ông Th để lại di sản thừa kế là quyền sử dụng đất có diện tích 1.571,8m² đã được UBND thành phố V cấp GCNQSD đất ngày 09/9/2004 cho vợ chồng Ông Th, bà Th số giấy chứng nhận AA-336427. Ông Th ở với cha mẹ từ nhỏ cho đến năm 1965 bố chết, năm 1986 mẹ chết thì vợ chồng tiếp tục ở trên đất của cha mẹ để lại cho đến nay. Còn các anh chị em khác đều ở riêng nơi khác.

Năm 2013, Nhà nước tiến hành thủ tục thu hồi đất giải phóng mặt bằng làm đường giao thông đã đền bù cho Ông Th 10 thửa đất khác và đã được cấp 10 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 19/9/2017 đều mang tên vợ chồng Ông Th, bà Th. Ngày 19/01/2017 thì 05 anh chị em con đẻ của cụ Diêu và cụ Đèo họp lại thương lượng với Ông Th như sau: Trong 10 thửa đất được Nhà nước đền bù cho gia đình Ông Th thì 01 lô đất làm nhà thờ và 02 thửa còn lại chia cho 04 anh em là ông Thành, ông N, bà Hà và bà Khánh. Còn lại 07 thửa là của vợ chồng Ông Th. Nhưng

sau đó các anh chị em không đồng ý nên ông N khởi kiện chia thừa kế ra Tòa án nhân dân thành phố V.

Ông Thế khẳng định ông N đã hết quyền khởi kiện chia di sản của cha mẹ để lại bởi Ông Th đã là chủ quyền sử dụng đất của cha mẹ ông để lại từ ngày 10/7/1986 vì Ông Th trực tiếp quản lý, chiếm hữu sử dụng từ ngày 10/7/1986 nên không đồng ý phân chia cho bất cứ ai. Khẳng định này là hoàn toàn đúng với các quy định tại khoản 1 Điều 623, Điều 236 và điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; việc áp dụng khoản 4 Điều 36 Pháp lệnh thừa kế năm 1990 để tính thời hiệu là vi phạm pháp luật vì điều khoản này đã bị Quốc hội bãi bỏ tại Nghị quyết thông qua ngày 28/10/1995 và bị bãi bỏ bởi các Bộ luật dân sự qua các thời kỳ 2005, 2015 và hết thời hiệu áp dụng từ năm 2000 theo hướng dẫn của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao tại Nghị quyết số 02/1990/NQ - HĐTP. Đất thừa kế của Ông Th đã bị Nhà nước thu hồi đền bù bằng tiền, còn đất ở tái định cư mua của Nhà nước nên không có căn cứ tranh chấp tài sản là hiện vật đất đai.

Về yêu cầu phân chia 2.312.877.498 đồng chênh lệch tiền đất đền bù và mua đất tái định cư là không có căn cứ vì đã yêu cầu chia đất thì không còn yêu cầu chia tiền chênh lệch vì đã nằm trong giá trị đất đã mua.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện yêu cầu chia thừa kế vì thời hiệu chia thừa kế đã hết (trên 30 năm) và toàn bộ di sản của bố mẹ Ông Th để lại đã là thuộc quyền sở hữu của vợ chồng Ông Th.

Nếu Tòa án vẫn giải quyết vụ án thì chia giá trị bồi thường không chia hiện vật vì Ông Th đã nhận tiền bồi thường còn đất là Ông Th mua của Nhà nước. Ngoài ra trước đây Ông Th đã chia cho em gái là bà Khánh một phần đất với diện tích là 175,5m² tại khối 6, phường Q, thành phố V (nay là khối 7, phường Q), nếu chia thừa kế thì phải chia cả phần đất của bà Khánh.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Trung Th, bà Nguyễn Thị H thống nhất trình bày: Bố, mẹ của 05 anh em ruột là ông Nguyễn Văn D và bà Phạm Thị Đ đã chết như Nguyên đơn, Bị đơn trình bày. Bố mẹ chết để lại đất ở có diện tích 1.789m² thuộc khối 20, phường Lê Lợi, nay là khối 6, phường Q, Thành phố V, Nghệ An. Diện tích này do Ông Nguyễn Văn Th quản lý và sử dụng. Năm 2016 Nhà nước thu hồi để giải phóng mặt bằng xây dựng khu tái định cư phường Q, thành phố V, Nghệ An. Ông Th đã trực tiếp làm việc với cơ quan chức năng và thỏa thuận, phương án đền bù, Ông Th tự ý xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ

chồng Ông Th đối với toàn bộ diện tích đất cha mẹ ông Thành, bà Hà để lại mà không có sự đồng ý của ông Thành, bà Hà.

Theo ông Thành, bà Hà di sản thừa kế bố mẹ chết để lại sau khi bị thu hồi phục vụ cho dự án khu đô thị mới phường Q được Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền bồi thường hỗ trợ 12 lô đất tại khu tái định cư phường Q, thành phố V. Số tiền bồi thường, hỗ trợ di sản thừa kế nói trên bị thu là 9.103.960.968 đồng. Trong đó đã nộp tiền để được giao 12 lô đất tái định cư 6.791.083.200 đồng. Còn lại là 2.312.877.498 đồng vợ chồng Ông Th đang quản lý.

Năm 2016 vợ chồng Ông Th chuyển nhượng cho vợ chồng ông Từ Hữu T và bà Nguyễn Thị L thửa đất số 273, tờ bản đồ số 06, diện tích 120m² tại khối 7, phường Q, thành phố V; chuyển nhượng cho vợ chồng ông Đặng Văn Th và chị Võ Thị Tuyết thửa đất số 274, tờ bản đồ số 06, diện tích 120m² tại khối 7, phường Q, thành phố V; 01 lô đất hiện nay vợ chồng Ông Th đã xây dựng nhà ở kiên cố tại khối 6, phường Q, thành phố V, tỉnh Nghệ An (nay là khối 7, phường Q). Còn lại 10 lô đất ông Thành, bà Hà yêu cầu chia đều cho đồng thừa kế hàng thứ nhất là ông N, ông Thành, bà Hà, bà Khánh, Ông Th.

Số tiền còn lại là 2.312.877.498 đồng và trị giá 02 thửa đất gia đình Ông Th, bà Th đã chuyển nhượng thống nhất như ý kiến của Nguyên đơn trình bày.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Kh trình bày: Nhất trí các nội dung trình bày của ông N, ông Thành và bà Hà. Trước đây bà đã được các anh chị em cho 01 thửa đất diện tích 175,5m². Còn phần di sản bà Khánh được hưởng bà Khánh trích 01 thửa đất để làm nơi thờ cúng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác trình bày:

Vợ chồng ông Đặng Văn Th và chị Võ Thị Tuyết vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại cấp sơ thẩm thống nhất trình bày: Khoảng tháng 6 năm 2016, vợ chồng Ông Th bà Tuyết gặp một người giới thiệu bán thửa đất số 274, tờ bản đồ số 06 tại khối 7, phường Q, thành phố V có diện tích 120m² đất ở lâu dài. Thống nhất với người giới thiệu xong Ông Th bà Tuyết đặt tiền cọc và hẹn ngày lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do cơ quan Nhà nước cấp mới thanh toán đầy đủ. Vào giữa tháng 6 năm 2016 vợ chồng nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Ông Th bà Tuyết mới biết thửa đất mua là của Ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị Th. Sử dụng từ năm 2016 đến nay không có tranh chấp. Ông N khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế, vợ chồng Ông Th bà Tuyết không có ý kiến gì.

Vợ chồng bà Nguyễn Thị L và ông Từ Hữu T thống nhất trình bày: Vào khoảng tháng 10 năm 2016 bà Lan và ông Tạo gặp một người giới thiệu thửa đất số 273, tờ bản đồ số 06 tại khối 7, phường Q, thành phố V, tỉnh Nghệ An có diện tích 120m², đất ở lâu dài. Thống nhất với người giới thiệu xong, vợ chồng đặt tiền đặt cọc và hẹn ngày lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên vợ chồng mới thanh toán toàn bộ số tiền còn lại. Vào giữa tháng 11 năm 2016 nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thanh toán đầy đủ số tiền còn lại. Lúc nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới biết thửa đất mua là của vợ chồng Ông Th bà Th. Hiện nay vợ chồng đã làm nhà kiên cố và sinh hoạt tại khối 7, phường Q, thành phố V. Ông N khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế vợ chồng bà Lan, ông Tạo không có ý kiến gì.

Quá trình tố tụng bà Nguyễn Thị Th không có ý kiến gửi cho Tòa án nhân dân thành phố V nhưng tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm đồng ý với ý kiến của đại diện theo ủy quyền của Bị đơn.

Với nội dung trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định: Áp dụng Án lệ số 26/2018/AL về xác định thời điểm bắt đầu tính thời hiệu và thời hiệu yêu cầu chia di sản thừa kế là bất động sản; Áp dụng các điều 649, 652, 653, 659, 660, 678, 679 Bộ luật dân sự năm 1995; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 3, Điều 76 Luật đất đai 1993; Điều 167 Luật đất đai 2013; Điều 26, 35, 85, 86, 147, 227, 264, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Văn N về chia di sản thừa kế theo pháp luật khối di sản của các cụ Nguyễn Văn D, Phạm Thị Đ.

Di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn D và Phạm Thị Đ là 12 thửa đất gồm thửa số 176, 200, 251, 266, 267, 268, 269, 270, 271, 272, 273, 274 tờ bản đồ số 6 thuộc khối 6 (nay là khối 7), phường Q, thành phố V, Nghệ An và số tiền 2.312.877.498 đồng.

Chia di sản thừa kế như sau:

Trích trả công duy trì, tu bổ, bảo quản cho vợ chồng Ông Nguyễn Văn Th, bà Nguyễn Thị Th 2.312.877.498 đồng và trị giá 02 thửa đất (273 và 274) là 2.880.000.000 đồng. Tổng cộng 5.192.877.498 đồng.

1, Giao thửa đất 272 tờ bản đồ số 6, tại khối 6, phường Q, thành phố V, Nghệ An, trị giá 1.440.000.000 đồng vào việc thờ cúng cho ông Nguyễn Trung Th, Ông Nguyễn Văn Th, Ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Kh quản lý, sử dụng.

2, Giao cho Ông Nguyễn Văn Th quản lý sử dụng 02 thửa đất gồm: Thửa số 266 (gia đình Ông Th đã xây dựng nhà ở 2 tầng) và thửa số 267 tờ bản đồ số 6, tại khối 6, phường Q, thành phố V, Nghệ An (nay thuộc khối 7, phường Q, thành phố V, Nghệ An trị giá: 2.941.500.000 đồng;

3, Giao cho Ông Nguyễn Văn N quản lý sử dụng 02 thửa đất gồm thửa số 176 và thửa số 251 tờ bản đồ số 6, tại khối 6, phường Q, thành phố V, Nghệ An (nay thuộc khối 7, phường Q, thành phố V, Nghệ An). Tổng trị giá: 3.057.000.000 đồng;

4, Giao cho ông Nguyễn Trung Th quản lý sử dụng 02 thửa đất gồm thửa số 200 và thửa số 271 tờ bản đồ số 6, tại khối 6, phường Q, thành phố V, Nghệ An (nay thuộc khối 7, phường Q, thành phố V). Tổng trị giá: 4.204.800.000 đồng;

5, Giao cho bà Nguyễn Thị H quản lý sử dụng 02 thửa đất gồm thửa số 268 và thửa số 270 tờ bản đồ số 6, tại khối 6, phường Q, thành phố V, Nghệ An (nay thuộc khối 7, phường Q, thành phố V). Tổng trị giá: 2.880.000.000 đồng;

6, Giao cho bà Nguyễn Thị Kh quản lý sử dụng 01 thửa đất số 269 tờ bản đồ số 6, tại khối 6, phường Q, thành phố V, Nghệ An (nay thuộc khối 7, phường Q, thành phố V), trị giá: 1.440.000.000 đồng.

Ông Nguyễn Trung Th có nghĩa vụ trích chia chênh lệch về tài sản cho Ông Nguyễn Văn Th 251.160.000 đồng; Ông Nguyễn Văn N 135.660.000 đồng; bà Nguyễn Thị H 312.660.000 đồng; bà Nguyễn Thị Kh 312.660.000 đồng;

Các đương sự có nghĩa vụ làm thủ tục theo quy định để được cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Thành, Ông Th không phải chịu án phí, ông N phải chịu 135.853.200 đồng, bà Hà 135.853.200, bà Khánh 135.853.200 đồng.

Ngoài ra còn tuyên quyền kháng cáo và thi hành án dân sự cho các đương sự theo Luật thi hành án dân sự.

Ngày 25/02/2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An quyết định kháng nghị số 221/QĐKNPT-VKS-DS đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2018/DSST ngày 29/01/2019 của Tòa án nhân dân thành phố V do vi phạm những nội dung sau:

Điều tra, xác minh chưa đầy đủ: Do bố mẹ của những người thừa kế là ông Nguyễn Văn D chết năm 1965, bà Phạm Thị Đ chết năm 1986 để lại khối di sản thừa kế là thửa đất số 49, tờ số 6 tại khối 20, phường Lê Lợi, nay là khối 6 phường Q, thành phố V. Vợ chồng Ông Th bà Th sống chung với mẹ và tiếp tục sống cho đến

nay. Biên bản xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng ngày 09/4/2015 của Trung tâm phát triển quỹ đất thể hiện thửa đất số 49, tờ bản đồ số 6 có diện tích 1.517,8m² trị giá 8.742.528.000 đồng; tài sản vật kiến trúc trên đất trị giá 304.811.698 đồng; cây cối hoa màu trị giá 18.621.000 đồng; chi phí hỗ trợ 38.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm không làm rõ tài sản nào là di sản thừa kế, tài sản nào là của vợ chồng Ông Th bà Th nhưng đã chia đều cho các đồng thừa kế là thu thập chưa đầy đủ.

Giải quyết vụ án chưa đúng pháp luật: Quá trình giải quyết vụ án Bị đơn có yêu cầu phản tố nếu chia thừa kế thì phải chia cả phần đất đã chia của bà Nguyễn Thị Kh. Tòa án cấp sơ thẩm không hướng dẫn bị đơn làm thủ tục phản tố theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng vẫn nhận định “các đồng thừa kế đồng ý giao một phần di sản thừa kế cho bà Nguyễn Thị Kh nên không có căn cứ để xác định phần diện tích của bà Khánh vào để phân chia”. Nếu hướng dẫn mà đương sự không yêu cầu phản tố thì không thụ lý giải quyết và tuyên đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

Mặt khác, theo các tài liệu, chứng cứ tại hồ sơ thì thửa đất số 49, tờ bản đồ số 6 có nguồn gốc là của cụ Diêu và cụ Đèo, sau khi các cụ chết đã được UBND thành phố V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng Ông Th bà Th ngày 13/4/2004. Năm 2015 thửa đất này được Nhà Nước thu hồi giải phóng mặt bằng và cấp đất tái định cư 12 thửa đất số 176, 200, 251, 266, 267, 268, 269, 270, 271, 272, 273, 274 thuộc tờ bản đồ số 6LL khối 7 phường Q, TP Vinh và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên vợ chồng Ông Th và bà Th. Nhưng cấp sơ thẩm không thu thập tài liệu hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ông Th và bà Th đối với thửa đất số 49 tờ bản đồ số 6 cấp ngày 13/4/2004 để xem tính hợp pháp của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này, từ đó xem xét tính hợp pháp của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho vợ chồng Ông Th bà Th đối với 12 thửa đất cấp tái định cư. Bản án sơ thẩm nhận định 12 thửa đất nêu trên và 2.312.877.489 đồng là khối di sản của vợ chồng các cụ Nguyễn Văn D và Phạm Thị Đ để lại nhưng không xác định các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này có trái pháp luật hay không để chuyển cho Tòa án có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính năm 2015. Tòa án cấp sơ thẩm cũng không đưa UBND thành phố V vào tham gia tố tụng.

Vì phạm trong việc xử lý án phí dân sự sơ thẩm: Bản án sơ thẩm buộc ông N, bà Khánh, bà Hà mỗi người phải chịu 135.853.200 đồng là không chính xác. Nghị quyết

số 326/2016/UBTVQH14 quy định đối với tranh chấp dân sự có giá ngạch trên 4.000.000.000 đồng thì án phí được tính như sau: 112.000.000 đồng + 0,1% của phần tranh chấp vượt quá 4.000.000.000 đồng. Như vậy tiền án phí mỗi người phải chịu là 112.000.000 đồng + $(231.235.499 \times 0,1\%) = 112.231.235$ đồng.

Tại phiên tòa, Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung kháng nghị.

Ngày 30/01/2019, Bị đơn Nguyễn Văn Th kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 02/2019/DS-ST ngày 29/01/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Vinh đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế của Nguyên đơn Nguyễn Văn Nại. Vì đã hết thời hiệu chia thừa kế; đã thống nhất cho vợ chồng năm 2004; hoặc hủy Bản án sơ thẩm trả lại đơn khởi kiện cho Nguyên đơn và đình chỉ vụ án vì đã có quyết định có hiệu lực pháp luật của UBND thành phố V công nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng; ngoài ra còn bổ sung quá trình giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm, khi hòa giải lần thứ nhất và lần thứ hai Bị đơn đều đề nghị nếu chia thừa kế thì đưa thửa đất đã chia cho bà Khánh để chia thừa kế hoặc chỉ có thể tranh chấp giá trị tài sản được Nhà Nước bồi thường khi thu hồi đất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở đánh giá đầy đủ toàn diện chứng cứ, lời khai của những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Đây là vụ án “Tranh chấp chia di sản thừa kế” nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 5, Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An thấy rằng:

[1] Về nguồn gốc thửa đất số 49, tờ bản đồ số 6 tại khối 6 (nay là khối 7) phường Q, thành phố V thuộc quyền sử dụng của vợ chồng cụ Nguyễn Văn D và Phạm Thị Đ. Sau khi cụ Diêu chết năm 1965 và cụ Đèo chết năm 1986, vợ chồng Ông Nguyễn Văn Th bà Nguyễn Thị Th sinh sống độc lập trên thửa đất này. Ngày 13/4/2004, vợ chồng Ông Th, bà Th đã được Ủy ban nhân dân thành phố V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên, diện tích 1.701,8m². Sau đó vợ chồng Ông Th chuyển nhượng 184m² cho vợ chồng bà Trần Thị Thanh Hải và ông Nguyễn Trọng

Tài; toàn bộ anh em thống nhất cho em gái là bà Nguyễn Thị Kh 175,5m², còn lại là 1.517,8m² được cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 09/9/2004 cho Ông Th, bà Th. Năm 2015, Nhà nước có quyết định thu hồi đất làm đường thì thửa đất này bị thu hồi và được đền bù giải phóng mặt bằng số tiền 8.742.528.000 đồng và Ông Th, bà Th đã sử dụng số tiền này để mua 12 lô đất tái định cư. Tuy nhiên trong các thửa đất được cấp tái định cư này, theo vợ chồng Ông Th trình bày tại phiên tòa phúc thẩm chỉ được cấp 10 lô và bà Th là người nộp tiền vào các ngày 16/5 và ngày 24/5/2017 và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên vợ chồng Ông Th bà Th ngày 19/9/2017. Còn 02 lô số 7 B1 (thửa số 273) và lô số 8 B1 (thửa 274) không được cấp nên không nộp tiền, không biết của ai và cũng không được bán hai lô đất trên. Kiểm tra các tài liệu giấy nộp tiền thửa đất số 273 (Lô số 7) có ghi người nộp tiền là bà Nguyễn Thị Th, có chữ ký và họ tên đầy đủ, nhưng không phải chữ ký, chữ viết của bà Th, còn giấy nộp tiền thửa 274 (Lô số 8) ghi tên người nộp tiền là Ông Nguyễn Văn Th nhưng không có chữ ký cũng như họ tên người nộp. Các tài liệu này phù hợp lời trình bày của bà Th và Ông Th và người có quyền lợi liên quan đến vụ án là vợ chồng ông Đặng Văn Th và bà Võ Thị Tuyết; vợ chồng bà Nguyễn Thị L và ông Từ Hữu T là nhận chuyển nhượng qua người môi giới chứ không nhận chuyển nhượng từ vợ chồng Ông Th bà Th. Khi nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới biết mua của vợ chồng Ông Th bà Th. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên vợ chồng Ông Th bà Th đối với thửa đất 273 và 274 mà không xác minh làm rõ có phải Ông Th bà Th nộp tiền mua đất hay không để rồi đưa thửa đất số 274 của vợ chồng Ông Th bà Tuyết và thửa đất số 273 của vợ chồng ông Tạo bà Lan đã nhận chuyển nhượng vào chia thừa kế theo giá trị quyền sử dụng đất trị giá 2.880.000.000 đồng là xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Tại phiên tòa Bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét bảo vệ quyền lợi chính đáng cho mình vì không có tài sản này.

[2] Như vậy, về nguồn gốc 10 lô đất của vợ chồng Ông Th là do vợ chồng Ông Th sử dụng số tiền của các đồng thừa kế để mua đất tái định cư. Tòa án cấp sơ thẩm xác định 12 thửa đất tái định cư là di sản thừa kế do cụ Diêu, cụ Đèo để lại và quyết định chia 12 thửa đất nêu trên cho các đồng thừa kế nhưng lại không xem xét tính pháp lý của 12 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 12 thửa đất nêu trên là không chính xác. Tuy nhiên, như đã phân tích, di sản thừa kế cụ Diêu, cụ Đèo để lại được xác định là số tiền đền bù giải phóng mặt bằng 8.742.528.000 đồng nên Giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất được UBND thành phố V cấp là đúng quy định của pháp luật nên không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm.

[3] Về khối di sản thừa kế do bố mẹ để lại: Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự thống nhất trình bày bị đơn Nguyễn Văn Th sống chung với bố mẹ là cụ Nguyễn Văn D và cụ Phạm Thị Đ. Cụ Diêu mất năm 1965, cụ Đèo mất năm 1986 không để lại di chúc; di sản hai cụ để lại là thửa đất số 49, tờ số 6 thuộc khối 20, phường Lê Lợi, nay là khối 7, phường Q, TP Vinh, Nghệ An. Sau khi cụ Diêu, cụ Đèo chết vợ chồng Ông Th, bà Th vẫn tiếp tục sống trên thửa đất này. Theo biên bản xác định giá trị bồi thường, hồ trợ giải phóng mặt bằng ngày 09/4/2015 của Trung tâm phát triển quỹ đất thể hiện thửa đất số 49, tờ số 6, diện tích 1517,8m² trị giá 8.742.528.000 đồng; tài sản, vật kiến trúc trên đất trị giá 304.811.698 đồng; cây cối, hoa màu trị giá 18.621.000 đồng; chi phí hỗ trợ 38.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ tài sản trên đất loại tài sản nào là di sản cụ Diêu và cụ Đèo để lại và loại tài sản nào thuộc quyền sở hữu của vợ chồng Ông Th, bà Th; chi phí hỗ trợ cho chủ sử dụng đất hay cho người đang trực tiếp quản lý, sử dụng đất, nhưng đã xác định toàn bộ số tiền bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng 9.103.960.698 đồng là di sản thừa kế của cụ Diêu và cụ Đèo để lại và phân chia cho các đồng thừa kế là xem xét, đánh giá chứng cứ phiến diện, một chiều. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khẳng định toàn bộ tài sản trên thửa đất số 49 đều do vợ chồng Ông Th, bà Th tạo lập nên. Do đó có căn cứ xác định di sản thừa kế của cụ Diêu, cụ Đèo để lại cho các đồng thừa kế chỉ có giá trị đất là 8.742.528.000 đồng. Còn các tài sản gồm vật kiến trúc trên đất trị giá 304.811.698 đồng; cây cối, hoa màu trị giá 18.621.000 đồng; chi phí hỗ trợ 38.000.000 đồng. Tổng cộng 361.432.698 đồng thuộc quyền sở hữu của vợ chồng Ông Th, bà Th. Do đó, nội dung kháng nghị này của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An là có cơ sở và Hội đồng đã xem xét làm rõ.

[4] Vi phạm trong việc giải quyết về án phí: Theo nhận định và quyết định của bản án sơ thẩm thì mỗi suất thừa kế có giá trị 3.192.660.000đ, mỗi người phải trích công sức 5.192.877.498 đồng : 5 = 1.038.575.499 đồng nên mỗi đương sự phải nộp án phí tương ứng với số tiền 4.231.235.499 đồng. Như vậy, số tiền án phí ông N, bà Hà, bà Khánh phải chịu là 112.000.000 đồng + (231.235.499 đồng x 0,1%) = 112.231.235 đồng. Tuy vậy, bản án sơ thẩm buộc ông N, bà Hà, bà Khánh mỗi người phải chịu 135.853.200 đồng án phí dân sự sơ thẩm là không chính xác. Nội dung kháng nghị

này của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An là có cơ sở. Tuy vậy, do Hội đồng xét xử sẽ sửa án sơ thẩm nên sẽ quyết định người chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Xét các nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An đã được làm rõ tại phiên tòa phúc thẩm nên không cần hủy Bản án sơ thẩm như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát mà có đủ căn cứ để sửa Bản án sơ thẩm.

[5] Xét kháng cáo của bị đơn về thời hiệu yêu cầu chia di sản thừa kế thấy rằng: Theo quy định tại khoản 4 Điều 36 Pháp lệnh thừa kế năm 1990 thì *“Đối với các việc thừa kế mở trước ngày ban hành Pháp lệnh này thì thời hạn quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này được tính từ ngày công bố Pháp lệnh này”*. Ngày công bố Pháp lệnh thừa kế là ngày 10/9/1990.

Khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *“Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản, 10 năm đối với động sản, kể từ thời điểm mở thừa kế. Hết thời hiệu này thì di sản thuộc về người thừa kế đang quản lý di sản đó”*.

Án lệ số 26/2018/AL ngày 17 tháng 10 năm 2018 có nội dung: *“7. Như vậy, kể từ ngày Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành, Tòa án áp dụng quy định tại Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 để xác định thời hiệu đối với trường hợp mở thừa kế trước ngày 01/01/2017. Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 36 Pháp lệnh thừa kế năm 1990 và Bộ luật dân sự năm 2015, trong trường hợp này thời hiệu khởi kiện chia di sản của cụ T cho các đồng thừa kế vẫn còn theo quy định của pháp luật”*.

Như vậy, theo các quy định đã viện dẫn nêu trên thì tính đến thời điểm hiện tại, bất động sản do cụ Diêu, cụ Đèo để lại vẫn chưa hết thời hiệu yêu cầu chia di sản thừa kế nên không thể xác định di sản thuộc về người thừa kế đang quản lý di sản như bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn yêu cầu. Nội dung kháng cáo này của bị đơn không có cơ sở chấp nhận bác đơn khởi kiện của Nguyên đơn.

[6] Về nội dung nếu chia thừa kế thì phải đưa thửa đất chia cho bà Khánh vào để chia thấy rằng, tại Giấy xin chứng nhận tách hộ có xác nhận của Khối trưởng khối 20 phường Lê Lợi, thành phố V là ông Phạm Sỹ Lân có nội dung 04 anh chị em là ông Nguyễn Trung Th, Nguyễn Văn Th, Nguyễn Văn Nại, Nguyễn Thị H nhất trí cho bà Nguyễn Thị Kh đất thổ cư có diện tích 200,44m² và đề nghị cấp có thẩm quyền làm

thủ tục cho bà Khánh cùng ký tên xác nhận. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận là có căn cứ do vậy nội dung này không có cơ sở xem xét. Còn nội dung cho rằng 04 anh chị em đã thống nhất cho vợ chồng Ông Th bà Th toàn bộ diện tích đất còn lại $1.517,8m^2$ thể hiện tại Biên bản họp gia đình ngày 19/10/2004 thấy rằng không có chữ ký của bà Khánh nên không có cơ sở xem xét. Do đó không có căn cứ hủy Bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án như kháng cáo của Bị đơn.

[7] Về nội dung nếu còn thời hiệu chia thừa kế thì chia giá trị tài sản được bồi thường là 8.742.528.000 đồng: Xét nội dung này thấy như trên đã phân tích, cụ Diêu và cụ Đèo chết để lại tài sản là đất ở. Các anh trai, em trai và em gái xây dựng gia đình riêng, còn lại em gái út bị khuyết tật ở cùng vợ chồng Ông Th. Sau khi bố và mẹ đều đã chết, vợ chồng Ông Th bà Th quản lý và sinh sống tại mảnh đất này, sau đó được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vợ chồng Ông Th bán $184m^2$ cho bà Hải ông Tài, sau đó cả 05 anh chị em thống nhất cho em út là bà Nguyễn Thị Kh $175,5m^2$. Còn lại $1.517,8m^2$ vợ chồng Ông Th quản lý sinh sống độc lập từ đó đến ngày Nhà nước thu hồi đất và được đền bù là 8.742.528.000 đồng. Sau khi nhận tiền bồi thường, vợ chồng Ông Th bà Th mua được 10 lô đất tái định cư theo giá quy định của Nhà Nước với số tiền 5.719.723.000 đồng, còn lại 3.022.805.000 đồng. Bị đơn trình bày sau khi được bồi thường thì nhận toàn bộ tiền mặt sau đó mới xin mua đất tái định cư. Như vậy khối di sản thừa kế đã được vợ chồng Ông Th nhận bằng tiền mặt sau đó mới xin mua đất tái định cư. Tòa án cấp sơ thẩm chia quyền sử dụng đất cho các đồng thừa kế do vợ chồng Ông Th mua là không có căn cứ vì di sản thừa kế đã được nhận bằng tiền chứ không phải chuyển đổi bằng đất. Do đó việc Nguyên đơn khởi kiện chia đất trong đó dành 01 lô đất để làm nhà thờ cũng không có căn cứ mà chỉ xem xét chia giá trị đất cho các đồng thừa kế là hợp lý và đúng quy định của pháp luật.

[8] Như vậy, sau khi bố mẹ của các đồng thừa kế chết không để lại di chúc, vợ chồng Ông Th bà Th là người quản lý sử dụng khối tài sản của bố mẹ để lại kéo dài gần 30 năm, thể hiện trách nhiệm, vai trò, công sức đặc biệt lớn trong việc duy trì khối di sản này. Do vậy phải trích chia cho vợ chồng Ông Th công sức duy trì khối tài sản bằng $\frac{1}{3}$ khối di sản để lại là phù hợp với thực tế cũng như tinh thần pháp luật, cụ thể $8.742.528.000 : 3 = 2.9141.760.000$ đồng. Còn lại 5.828.352.000 đồng chia đều cho 05 đồng thừa kế $= 1.165.670.400$ đồng.

[9] Ngoài ra, sau khi được bồi thường vợ chồng Ông Th bà Th đã dùng số tiền này mua 10 lô đất tái định cư. Theo Biên bản định giá ngày 21 tháng 9 năm 2018 của Hội đồng định giá, trị giá của 10 lô đất là 15.891.300.000 đồng trừ đi số tiền đầu tư 5.719.723.000 đồng đã sinh lợi 10.171.577.000 đồng. Giá trị sinh lợi rất lớn. Điều này cũng khẳng định công sức tái tạo, phát triển khối di sản thừa kế của vợ chồng Ông Th bà Th đặc biệt lớn. Do vậy xác định trích công sức tái tạo, phát triển tài sản sinh lợi cho vợ chồng Bị đơn $= 70\% \times 10.171.577.000đ = 7.120.103.900$ đồng; còn lại chia cho các đồng thừa kế $30\% \times 10.171.577.000đ = 3.051.473.100$ đồng/4 = 762.868.275 đồng. Tổng cộng mỗi đồng thừa kế được hưởng là $1.165.670.400 + 762.868.275 = 1.928.538.675$ đồng.

Tuy nhiên trong khối tài sản cha mẹ chết để lại thì bà Khánh là người đã được các anh chị cho 175,5m² vào năm 2003 nên chỉ buộc vợ chồng Ông Th bà Th trích chia cho bà Khánh khoảng 300 triệu đồng khối di sản cha mẹ để lại và 200 triệu đồng giá trị sinh lợi của 10 lô đất là hợp lý.

Buộc vợ chồng Ông Th bà Th phải trích lại tiền cho 03 đồng thừa kế là 5.785.616.025 đồng. Trích lại cho bà Khánh 500.000.000 đồng. Tổng cộng 6.285.616.025 đồng.

Trong vụ án này bà Th vợ Ông Th không phải là đồng thừa kế nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm cũng như tại cấp phúc thẩm hai vợ chồng xác định tài sản là công sức duy trì, tái tạo và phát triển của vợ chồng nên Ông Th đồng ý vợ chồng cùng hưởng di sản chia thừa kế. Do vậy, giao cho vợ chồng được hưởng số tiền chia di sản thừa kế, tài sản sinh lợi, tài sản trên đất, số tiền hỗ trợ di dời và được quyền sử dụng 10 lô đất tại khối 7, phường Q, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Về điều luật áp dụng, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng các Điều 649,652,653,659,660 Bộ luật dân sự năm 1995 làm căn cứ để chia thừa kế là không chính xác vì đây là các điều luật nằm trong chương II quy định về thừa kế theo di chúc trong khi vụ án này là tranh chấp về thừa kế theo pháp luật. Do đó cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Về án phí: Do sửa Bản án sơ thẩm và Ông Nguyễn Văn Th là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 293, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An, một phần kháng cáo của Bị đơn dân sự; sửa toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2018/DSST ngày 29/01/2019 của Tòa án nhân dân thành phố V;

Áp dụng án lệ số 26/2018/AL về xác định thời điểm bắt đầu tính thời hiệu và thời hiệu yêu cầu chia di sản thừa kế là bất động sản; Áp dụng các Điều 677, 678, 679 Bộ luật dân sự năm 1995; Điều 623, 649, 650, 651, 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 3, Điều 76 Luật đất đai 1993; Điều 167 Luật đất đai 2013; Điều 26, 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Giao cho vợ chồng Ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị Th được quyền sở hữu khối di sản như sau: Tiền công sức duy trì khối di sản 2.9141.760.000 đồng + tiền hưởng di sản 1.165.670.400 đồng + tiền tài sản trên đất, cây cối hoa màu, hồ trợ di dời 361.432.698 đồng; quyền sử dụng 10 lô đất thuộc tờ bản đồ số 6, các thửa số 176, 200, 251, 266, 267, 268, 269, 270, 271, 272 mang tên vợ chồng được UBND thành phố V cấp ngày 19/9/2017 tại khối 7, phường Q, thành phố V, tỉnh Nghệ An, trị giá 15.891.300.000 đồng.

Ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị Th phải trích di sản thừa kế cho Nguyên đơn Nguyễn Văn N 1.928.538.675 đồng; người có quyền lợi liên quan Nguyễn Văn Th1 1.928.538.675 đồng; bà Nguyễn Thị H 1.928.538.675 đồng; bà Nguyễn Thị Kh 500.000.000 đồng. Tổng cộng 6.285.616.025 đồng.

Nguyên đơn Nguyễn Văn N, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn Th1, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Kh được quyền sở hữu số tiền vợ chồng Ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị Th giao lại.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Bị đơn Ông Nguyễn Văn Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND TP. Vinh;
- VKSND TP Vinh;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vi Văn Chắt